

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-02-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.
2. Bà Vương Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 261/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Châu Hoàng Ng, sinh năm 1972; thường trú: Số 70/2A đường Ph, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1973; thường trú: Số 864/12B khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B; chỗ ở: Số 70/2A đường Ph, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Châu Hoàng Ng trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ng và bà D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992. Đến năm 2001, vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thành phố D), tỉnh B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 132/KH, quyền số 07 ngày 28/12/2001. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Từ năm 2014 đến nay vợ chồng ông sinh sống tại số 70/2A đường Phan Bội Ch, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh B. Từ năm 1993 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến năm 2009 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, không ăn cơm chung, không sinh hoạt vợ chồng. Nay ông Châu Hoàng Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ D.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 (ba) người con chung tên Châu Hoàng V, sinh ngày 19/12/1993; Châu Hoàng Th, sinh ngày 11/7/1999 và Châu Hoàng T, sinh ngày 22/11/2008. Sau khi ly hôn, ông Ng yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Châu Hoàng T, sinh ngày 22/11/2008 và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Châu Hoàng V và Châu Hoàng Th đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội D vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D hiện đang sinh sống tại số 70/2A đường Ph, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 13/01/2022 và ngày 14/02/2022 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Ông Ng và bà D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thành phố D), tỉnh B và được cấp

giấy chứng nhận kết hôn số 132/KH, quyển số 07 ngày 28/12/2001 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Ông Ng xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, không ăn cơm chung, không sinh hoạt vợ chồng. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà D.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi Tòa án thụ lý vụ án ông Ng và bà D không ai có đơn đề nghị hòa giải tại cơ sở, phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

[2.4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Ông Ng xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, phát sinh trong thời gian dài không hàn gắn được. Bà D đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông Ng và bà D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Ng yêu cầu được ly hôn với bà D là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Ông Ng xác định quá trình chung sống vợ chồng có 03 (ba) người con chung tên Châu Hoàng V, sinh ngày 19/12/1993; Châu Hoàng Th, sinh ngày 11/7/1999 và Châu Hoàng T, sinh ngày 22/11/2008. Sau khi ly hôn, ông Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Châu Hoàng T, sinh ngày 22/11/2008. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho ba hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai cháu Toàn có nguyện vọng được chung sống với cả ba và mẹ. Tuy nhiên, bà D không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì về vấn đề con chung khi vợ chồng ly hôn. Vì vậy, ông Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Ông Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với con chung Châu Hoàng V và Châu Hoàng Th đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Châu Hoàng Ng phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 227, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Hoàng Ng đối với bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Châu Hoàng Ng được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ D. (Giấy chứng nhận kết hôn số 132/KH, quyển số 07 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thành phố D), tỉnh B cấp ngày 28/12/2001).

- Về con chung: Giao 01 (một) con chung tên Châu Hoàng T, sinh ngày 22/11/2008 cho ông Châu Hoàng Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Châu Hoàng Ng không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông Ng và bà D đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp bà D lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc ông Ng nuôi con thì ông có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Đối với con chung Châu Hoàng V, sinh ngày 19/12/1993 và Châu Hoàng Th, sinh ngày 11/7/1999 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Châu Hoàng Ng không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Châu Hoàng Ng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003001, ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân